

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 25- 12-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Điều Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B không tham gia phiên tòa:**

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 469/2020/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Võ Quốc P; Sinh năm: 1980

Trú tại: khu Đ, thị trấn Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: bà Võ Thị Tuyết L; Sinh năm: 1987

Trú tại: khu Đ, thị trấn Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Võ Quốc P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông P và bà Võ Thị Tuyết L tự nguyện chung sống năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu ông P và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống bà L thường xuyên cờ bạc. Ông P nhận thấy mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2013 ông P

và Bà L sống ly thân liên tục cho đến nay. Hiện nay ông P không thể tiếp tục chung sống với bà L nên ông P làm đơn yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: có 02 cháu gồm Võ Đăng K; sinh ngày: 15/02/2007 và cháu Võ Phúc Kh, sinh ngày 07/8/2010. Ông P có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 cháu vì từ năm 2013 cho đến nay cả 2 cháu sống với ông.

Về cấp dưỡng: ông P không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn bà Võ Thị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông P và bà Võ Thị Tuyết L tự nguyện chung sống năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 29/8/2006 đã được ông P giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà Võ Thị Tuyết L là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Ông P khai thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 giữa ông P và bà L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống bà L thường xuyên cờ bạc nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Vì vậy từ đầu năm 2013 đến nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn hòa hợp, ông P và bà L đã sống ly thân từ năm 2013 liên tục đến nay. Trong thời gian sống ly thân mỗi ai nấy sống, kinh tế độc lập, không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa ông P và bà Võ Thị Tuyết L có mâu thuẫn xảy ra và mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng. Mặt khác, có đủ cơ sở ông P và bà Võ Thị Tuyết L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông P có nguyện vọng ly hôn, bà L cũng có nguyện vọng ly hôn. Tuy nhiên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[2] Về con chung: có 02 cháu gồm Võ Đăng K; sinh ngày: 15/02/2007 và cháu Võ Phúc Kh, sinh ngày 07/8/2010. Ông P có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 cháu vì từ năm 2013 cho đến nay cả 2 cháu sống với ông. Theo ý kiến của bị đơn bà L có trong hồ sơ bà L đồng ý giao 02 cháu cho ông P nuôi dưỡng. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giao 02 con chung cho ông P nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Quốc P về việc ly hôn. Ông Võ Quốc P được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết L.

[2]. Về con chung: Giao Võ Đăng K; sinh ngày: 15/02/2007 và cháu Võ Phúc Kh, sinh ngày 07/8/2010 cho ông Võ Quốc P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết,

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Quốc P phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 015778 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Điêu Thị Hạnh**